TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 193/2018/HNGĐ-ST
Ngày 14 tháng 8 năm 2018
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kiều Trang
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà Nguyễn Kim Lên
Ông Trần Ngọc Minh
- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Tuyết Ngân là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 14 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 420/2018/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2018 về việc: Ly hôn và tranh chấp về nuôi con chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 305/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Thái Huyền C**, sinh năm 1992 (có mặt)
Địa chỉ: Ấp RB, xã KB, huyện TVT, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Anh **Huỳnh Vũ Đ**, sinh năm 1989 (có mặt)
Địa chỉ: Ấp TT, xã PL, huyện TVT, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 18/6/2018 và biên bản hòa giải ngày 12/7/2018, nguyên đơn chị Thái Huyền C trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Huỳnh Vũ Đ kết hôn vào năm 2011, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PL, huyện TVT, tỉnh Cà Mau. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cải nhau, anh Đ không quan tâm đến chị. Nhận thấy, tình trạng hôn nhân đã đến mức trầm trọng, vợ chồng đã ly thân hơn 10 tháng nay. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Chị và anh Đ có 01 người con chung tên Huỳnh Thái T (nam), sinh ngày 12/01/2013. Con hiện đang sống chung với anh Đ. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con chung và yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản hòa giải ngày 12/7/2018, bị đơn anh Huỳnh Vũ Đ trình bày:

Về hôn nhân: Anh thống nhất với lời trình bày của chị C về thời điểm kết

hôn, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Anh xác định vợ chồng đôi khi có cự cải nhau nhưng mâu thuẫn không trầm trọng. Nay chị C yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý. Anh yêu cầu được đoàn tụ với chị C.

Về con chung: Vợ chồng có 01 người con chung như chị C trình bày là đúng. Con chung hiện đang sống chung với anh. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn, anh yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: chị Thái Huyền C và anh Huỳnh Vũ Đ tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PL, huyện TVT, tỉnh Cà Mau đúng theo quy định pháp luật. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị C và anh Đ được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp và bảo vệ.

Chị C xác định không còn tình cảm yêu thương Đ, hôn nhân không còn hạnh phúc, vợ chồng đã ly thân hơn 10 tháng nay. Tại phiên tòa, chị C thể hiện sự quyết tâm mong muốn được ly hôn với anh Đ và khẳng định đời sống hôn nhân không thể duy trì, trường hợp tiếp tục chung sống sẽ không mang lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh Đ xác định, cuộc sống vợ chồng đôi khi có cự cải nhưng mâu thuẫn không trầm trọng. Nay chị C yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý ly hôn với chị C. Do đó, Hội đồng xét xử công nhận chị C và anh Đ thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Chị C và anh Đ có 01 người con chung tên Huỳnh Thái T (nam), sinh ngày 12/01/2013. Con chung hiện đang sống chung với anh Đ. Khi ly hôn chị C và anh Đ đều yêu cầu được nuôi con chung. Tại phiên tòa, chị C xác định từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay thì con chung vẫn do anh Đ và gia đình anh Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và cuộc sống hiện tại của cháu T rất tốt. Về điều kiện kinh tế thì hiện tại anh Đ làm việc tại Công ty TNHH MTV TAKEUCHI LONG XUYÊN, giữ chức vụ: Phó Giám đốc kinh doanh, lương bình quân trên tháng khoảng trên 24.000.000 đồng. Đối với chị C xác định, hiện tại chị đang làm thuê, mức thu nhập mỗi tháng khoảng trên 4.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử thấy rằng, từ khi cháu T được sinh ra cho đến nay thì vẫn sống chung với gia đình anh Đ tại ấp TT, xã PL, huyện TVT, tỉnh Cà Mau. Xét điều kiện kinh tế thì anh Đ có công việc và mức thu nhập ổn định, đảm bảo điều kiện để chăm sóc tốt cho con chung. Đồng thời, để đảm bảo cho cháu T được ổn định về cuộc sống và sự phát triển về mặt tâm sinh lý sau này. Do đó, cần giao con chung cho anh Đ tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Anh Đ không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con. Chị C không trực tiếp nuôi con có quyền được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Tại phiên tòa, chị C và anh Đ xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Chị C phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 55, 81 và 82 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Công nhận chị Thái Huyền C và anh Huỳnh Vũ Đ thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Giao con chung tên Huỳnh Thái T (nam), sinh ngày 12/01/2013 cho anh Đ tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Chị C không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Chị C không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, nuôi dưỡng, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị C phải chịu 300.000 đồng. Ngày 18/6/2018 chị C đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0008304 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện TVT, tỉnh Cà Mau, được chuyển thu đối trừ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Phòng NV-KT TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- UBND xã PL, huyện Trần Văn Thời;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Kiều Trang

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Huyện Trần Văn Thời, ngày …. tháng 8 năm 2018

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Hôm nay, ngày …. tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kiều Trang

Các Hội thẩm nhân dân: …….

…….

Tiến hành nghị án đối với vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 420/2018/TLST-HNGĐ ngày 18/6/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Thái Huyền Chân**, sinh năm 1992 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp Rạch Bào, xã Khánh Bình, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Anh **Huỳnh Vũ Đầy**, sinh năm 1989 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp Tân Thành, xã Phong Lạc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 55, 81 và 82 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Công nhận chị Thái Huyền Chân và anh Huỳnh Vũ Đầy thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Giao con chung tên Huỳnh Thái Trọng (nam), sinh ngày 12/01/2013 cho anh Đầy tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Chân không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Chị Chân không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Chân phải chịu 300.000 đồng. Ngày 18/6/2018 chị Chân đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0008304 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, được chuyển thu đối trừ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Tập thể thống nhất ý kiến 3/3.

Nghị án kết thúc cùng ngày, có đọc lại và Hội đồng đồng ý ký tên vào biên bản.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Kiều Trang

Nơi nhận:
- Phòng NV-KT TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- UBND xã Trần Hợi, huyện Trần Văn Thời;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Kiều Trang